

# 3

## MDG 7: LÀM THẾ NÀO PHẬT TỬ CÓ THỂ NGĂN CHẶN VIỆC VA CHẠM TRỰC DIỆN VỚI CÁC GIỚI HẠN

---

Giáo sư Colin D Butler \*  
Lê Chu Bảo Ngọc dịch

---

### GIỚI THIỆU: MỖI BẢN KHOẢN GIA TĂNG TRÊN TÀU VŨ TRỤ TRÁI ĐẤT

Một trong những nhà sáng lập kinh tế sinh thái, giáo sư Kenneth Boulding (1910-1993) người được nhiều người biết tới nhờ câu phát biểu: người nào tin vào sự tăng trưởng kinh tế vĩnh viễn thì người đó hoặc bị điên, hoặc là một nhà kinh tế. Tôi chưa tìm thấy bằng chứng cho thấy Boulding đã từng tuyên bố điều này, nhưng một bài nói chuyện của ông đã được xuất bản trong một cuốn sách viết năm 1966 <sup>1</sup> phản ánh tinh thần của nhận xét này, và toàn bộ chương của ông trong cuốn sách đó xứng đáng được ca tụng. Tôi đã rút ra điều đó được bao quát trong bài viết cho Hội nghị UNDV 2014.

Bài luận của Boulding bao hàm những vấn đề rất quen thuộc đối với những ai quan tâm đến kinh tế sinh thái, ví dụ như sự lẫn lộn giữa sự

---

(\*) Đại học Canberra, ACT Úc; Nhà đồng sáng lập tổ chức từ thiện vì sự phát triển, sức khỏe & sự thấu hiểu ([www.bodhi.net.au](http://www.bodhi.net.au))

1. Boulding KE. The economics of the coming spaceship earth (Nền kinh tế của tàu vũ trụ trái đất trong tương lai). Trong: Jarrett H, biên tập viên. Environmental Quality in a Growing Economy (Chất lượng môi trường trong một nền kinh tế đang phát triển). Baltimore, MD: Resources for the Future (Tài nguyên cho tương lai) / Đại học Johns Hopkins [http://scholar.google.com.au/scholar?q=boulding+spaceship+earth&btnG=&hl=en&as\\_sdt=1%2C5](http://scholar.google.com.au/scholar?q=boulding+spaceship+earth&btnG=&hl=en&as_sdt=1%2C5); 1966. p.3-14

thịnh vượng và sự “tăng trưởng” kinh tế<sup>2</sup>. Thông thường, sự tăng trưởng kinh tế được cho là tăng ngay cả khi kinh tế “xấu” như số tai nạn xe hơi không gây tử vong gia tăng, hoặc nếu “dịch vụ hệ sinh thái”<sup>3</sup> của một khu rừng được công nhận đã mất, môi trường sống chuyển đổi, bóng râm và sự thay đổi của khí hậu, nước và đất lẫn vào vật liệu xây dựng, nhiệt và ô nhiễm không khí. Boulding chỉ ra rằng chúng ta đang sống trong một hệ thống khép kín, 118 năm sau John Stuart Mill, người được coi như một thiên tài thực sự và là một trong những người sáng lập hàng đầu của kinh tế tân cổ điển, cũng bàn về sự không hiệu quả của sự tăng trưởng kinh tế vĩnh viễn<sup>4</sup>. Boulding dự đoán sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên không thể tái tạo, chẳng hạn như nhiên liệu hóa thạch,<sup>5</sup> mà ông gọi là “vốn cổ phần của ánh nắng mặt trời được tích trữ nên”, báo hiệu trước tiêu đề đầy thi vị của cuốn sách của Hartman “Những giờ cuối của ánh mặt trời cổ đại”<sup>6</sup>.

Mặc dù năng lượng từ mặt trời tràn ngập trái đất mỗi ngày, nguồn nguyên liệu được tập trung cao là hữu hạn, dù đó là than, phốt pho, hoặc tantali, một nguyên tố hiếm được tìm thấy chủ yếu tại Cộng hòa Dân chủ Congo. Kim loại này rất cần thiết cho nền kinh tế hiện đại, chẳng hạn như điện thoại di động và máy tính xách tay, tuy nhiên, sự nghèo đói, vô luật pháp và sự tham lam săn tìm tantali cũng là một nhân tố chính gây ra

---

2. Daly H. *Beyond Growth (Vượt qua tăng trưởng)*. Boston: Beacon Press, 1996. 253 p

3. Millennium Ecosystem Assessment. *Ecosystems and Human Well-being (Đánh giá hệ sinh thái thiên niên kỷ. Hệ sinh thái và sức khỏe con người)*. Tổng hợp. Washington: Island Press; 2005. 137 p

4. Mill JS. On the stationary state [1848]. *Population and Development Review (Tình trạng văn phòng phẩm [1848]. Bài phê bình về Dân số và Phát triển)*. 1986; 12 (2) :317-22

5. Miller RG, Sorrell SR. The future of oil supply. *Philosophical Transactions of the Royal Society A: Mathematical, Physical and Engineering Sciences (Tương lai nguồn cung dầu. Toán học, Vật lý và Khoa học Kỹ thuật)*. 2014; Ngày 13 tháng 1 năm 2014; 372 (2006): <http://rsta.royalsocietypublishing.org/content/372/2006/20130179.abstract>

6. Hartmann T. *The Last Hours of Ancient Sunlight (Những giờ cuối của ánh mặt trời cổ đại)*. New York, New York: Three Rivers Press, 2004. 368 p

những cuộc chiến tranh dường như vô tận ở quốc gia đó, <sup>7</sup>những thương vong trong thập kỷ qua vượt quá con số thương vong từ cuộc nội chiến ở Syria hơn gấp bốn mươi lần. Loài người (với tổng dân số hiện đã hơn 7 tỷ người), đã trở thành chuyên gia khai thác, tập trung tinh chế và sau đó tiêu thụ các nguồn tài nguyên phi sinh vật. Chúng ta có thể đốt (ví dụ như nhiên liệu) hoặc thải ra theo các dòng nước thải. Phốt pho là một yếu tố thiết yếu (ví dụ như nó không thể thay thế) mà bây giờ trở nên khan hiếm <sup>8</sup>. Tuy nhiên, chúng ta vẫn lãng phí phốt pho bằng cách đẩy một số lượng lớn vào đại dương với hệ thống thoát nước.

Loài người chúng ta cũng trở thành chuyên gia phá hủy nhiều tài nguyên tái tạo, một số trong đó cũng đang trở nên hiếm, trong đó có nhiều loài thú lớn đã từng sống trong tự nhiên, từ hổ đến đười ươi, và môi trường sống hỗ trợ cho chúng<sup>9</sup>. Trọng lượng của người và động vật thuần hóa (được sử dụng chủ yếu cho thực phẩm của chúng ta) vượt quá trọng lượng của tất cả các động vật có vú trên cạn hoang dã cộng lại gấp khoảng 25 lần<sup>10</sup>. Con người cũng hoàn toàn thay đổi đại dương bằng cách thay đổi lưới thức ăn và làm tăng đáng kể lượng axit trong nước<sup>11</sup>.

Giá nhiên liệu, và theo đó, giá thực phẩm liên tục gia tăng phản ánh

---

7. Montague D. Stolen goods: Coltan and conflict in the Democratic Republic of Congo (Hàng hóa bị đánh cắp: Coltan và xung đột tại Cộng hòa Dân chủ Congo). Bản phê bình SAIS. 2002; XXII (1):103-18

8. Cordell D, Drangert JO, White S. The story of phosphorus: global food security and food for thought. *Global Environmental Change* (Câu chuyện của phốt pho: an ninh lương thực

9. Barnosky AD, Matzke N, S Tomiya, U. Wogan GO, Swartz B, Quental I, et al. Has the Earth's sixth mass extinction already arrived? *Nature*. (Sự tuyệt chủng hàng loạt lần thứ sáu của Trái đất đã đến?) 2011; 471:51-7

10. Faergeman O. Climate change, food and energy: politics and co-benefits (Biến đổi khí hậu, thực phẩm và năng lượng: chính trị và lợi ích chung). Trong: Butler CD, biên tập viên. *Climate Change and Global Health* (Biến đổi khí hậu và sức khỏe toàn cầu). Wallingford, Anh: CABI; 2014 (trên báo chí)

11. Butler CD. Towards a Buddhist approach for living in harmony with the oceans and its life (Hướng tới cách tiếp cận Phật giáo sống hài hòa với các đại dương và cuộc sống). Trong: Dhammasami K, Dhammhaso PH, Dhammaratana T, Somaratna GA, Keown D, Butler CD, và các cộng sự, biên tập viên. *Buddhist Virtues in Socio-Economic Development*. (Những đức hạnh Phật giáo trong phát triển kinh tế xã hội). Bangkok: Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya, 2011. p. 441-9

các giới hạn của việc tiếp cận nguồn khai thác dễ dàng và rẻ tiền, đảm bảo cho con người có cuộc sống sung túc. Đây là những nguyên nhân hiện đang bị xem nhẹ, dẫn tới nền kinh tế u ám hiện nay và bất ổn xã hội. Tại châu Âu, hơn 1 tỷ đô la bị mất đi trong luồng lưu thông tiền tệ mỗi ngày vì được chuyển đến các quốc gia sản xuất dầu mỏ để đổi lấy năng lượng đất liền<sup>12</sup>. Sự rò rỉ này đã góp phần dẫn tới tình trạng thất nghiệp dai dẳng và gieo các hạt giống nghiệp lực cho sự trở lại của chủ nghĩa phát xít ở châu Âu. Và cũng không có một nền thương mại nào đảm bảo sự thịnh vượng của các quốc gia giàu dầu mỏ, một số trong đó, chẳng hạn các nước vùng Vịnh, đang lãng phí hàng tỷ đô la dầu mỏ cho các tòa nhà chọc trời, các hòn đảo du lịch nhân tạo và sân vận động thể thao được xây dựng bằng cách bóc lột lực lượng lao động nhập khẩu với mức lương bèo bọt<sup>13</sup>. Dân số đô thị ở các nước đang phát triển như Ai Cập, vốn phụ thuộc nhiều vào thực phẩm nhập khẩu và năng lượng nhập khẩu, dễ có xu hướng gây ra những bất ổn xã hội<sup>14</sup>.

Mối đe dọa của biến đổi khí hậu nguy hiểm dần tăng lên,<sup>1516</sup> bao gồm cả thông qua tăng cường phản hồi đã xuất hiện vùng lãnh nguyên bị tan chảy. Nếu điều này tiếp tục, nó sẽ phát sinh một lượng lớn khí nhà kính từ Bắc Cực,<sup>17</sup> cộng với việc thải rác vào bầu khí quyển, gây ra bởi sự

12. Murray J, King D. Climate policy: oil's tipping point has passed. *Nature*. (Chính sách khí hậu: đỉnh điểm của dầu đã qua). 2012; 481:433-5

13. Patisson P. tiết lộ: Qatar's World Cup 'slaves' ('nô lệ' Cúp thể giới Qatar). *The Guardian*. 2013; <http://www.theguardian.com/world/2013/sep/25/revealed-qatars-world-cup-slaves>

14. Lagi M, Bertrand KZ, Bar-Yam Y. The Food Crises and Political Instability in North Africa and the Middle East (Khủng hoảng lương thực và bất ổn chính trị ở Bắc Phi và Trung Đông). [necsi.edu/research/social/food\\_crises.pdf](http://necsi.edu/research/social/food_crises.pdf); New England Complex Systems Institute, 2011

15. Anderson K, Beyond 'dangerous' climate change: emission scenarios for a new world. *Philosophical Transactions of the Royal Society A* (Vượt qua biến đổi khí hậu "nguy hiểm": viễn cảnh giải phóng năng lượng cho một thế giới mới). 2011; 369:20-44

16. Hansen J, Kharecha P, Sato M, Masson - Delmotte V, F Ackerman, Beerling DJ, et al. Assessing "dangerous climate change": required reduction of carbon emissions to protect young people, future generations and nature. (Đánh giá «biến đổi khí hậu nguy hiểm»: yêu cầu giảm khí thải carbon để bảo vệ những người trẻ, thế hệ tương lai và thiên nhiên). *PLoS ONE*. 2013, 8 (12): e81648

17. Whiteman G, Hope C, Wadhams P. Vast costs of Arctic change (chi phí to lớn của Bắc cực thay đổi). *Nature*. 2013; 499:401-3

hoang phí tập thể của chúng ta vào việc đốt nhiên liệu hóa thạch và tàn phá rừng.

Ngày càng có nhiều các tác giả nghiên cứu khoa học công khai bày tỏ lo ngại rằng chính bản thân nền văn minh đang bị đe dọa<sup>18,19,20</sup>. Viễn cảnh này được coi là hợp lý do các tầng lớp hậu quả phát sinh từ nhiều yếu tố như mực nước biển dâng (từ việc khí hậu biến đổi gây ra sự tan chảy của băng hà) và việc di dân (ví dụ như từ Bangladesh và đồng bằng châu thổ sông Nile và sông Mê Kông) và rút cuộc, xung đột lan rộng. Hạn hán ở Syria, có lẽ cũng trở nên tồi tệ bởi biến đổi khí hậu, là một yếu tố cơ bản trong cuộc nội chiến tàn bạo ở đất nước này<sup>22</sup>. Cũng được dự đoán - và dễ hiểu - là việc tăng giá lương thực toàn cầu đã được theo dõi từ năm 2007. Điều này được góp phần bằng giá nhiên liệu đắt đỏ hơn và các sự kiện thời tiết khắc nghiệt, đặc biệt là từ năm 2010, hai đợt hạn hán rất nghiêm trọng ở Mỹ (2011-2012) trở nên trầm trọng hơn bởi nhiệt độ cao. Một viễn cảnh khác là sự sụp đổ qua cuộc xung đột là suy giảm nguồn cung cấp thực phẩm, tăng suy dinh dưỡng, giảm quản trị và y tế công cộng, và sự trở lại của bệnh dịch quy mô lớn<sup>23</sup>. Các kịch bản có thể xảy ra đồng thời.

18. Butler CD. Inequality, global change and the sustainability of civilisation. *Global Change and Human Health* (Bất bình đẳng, sự thay đổi toàn cầu và tính bền vững của nền văn minh. Thay đổi toàn cầu và sức khỏe con người). 2000; 1 (2):156-72

19. Butler CD, Weinstein P. The future of global health. Reasons for alarm and a call for action (Tương lai của sức khỏe toàn cầu. Lý do để báo động và kêu gọi hành động) *Tạp chí thế giới Y học* năm 2013; 59 (3):82- 90

20. Oreskes N, Conway EM. The collapse of Western civilization: a view from the future. (Sự sụp đổ của nền văn minh phương Tây: một cái nhìn từ tương lai). *Daedalus*. 2013 2013/01/01; 142 (1):40- 58

21. Ehrlich PR, Ehrlich AH. Can a collapse of global civilization be avoided?(Sự sụp đổ của nền văn minh toàn cầu có thể tránh được?) *Kỷ yếu của Hội Hoàng gia B: khoa học sinh học*. 2013 07 tháng 3 năm 2013; 280 (1754) : doi: 10.1098/rspb.2012.845

22. Femia F, Werrell C. Syria: climate change, drought and social unrest. *Climate Progress* (biến đổi khí hậu, hạn hán và tình trạng bất ổn xã hội. Sự tiến triển khí hậu). 2012; <http://thinkprogress.org/climate/2012/03/03/437051/syria-climate-change-drought-and-social-unrest/>

23. Butler CD. Infectious disease emergence and global change: thinking systemically in a shrinking world. *Infectious Diseases of Poverty* (Xuất hiện bệnh truyền nhiễm và thay đổi toàn cầu: suy nghĩ có hệ thống trong một thế giới thu hẹp. Bệnh truyền nhiễm của nghèo đói). 2012; 1:5 <http://www.idpjournals.com/content/1/5>

## PHÁT TRIỂN MỐI QUAN TÂM MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU: TỪ STOCKHOLM ĐẾN RIO

Những thập kỷ ngay sau lời kêu gọi của Boulding đã chứng kiến sự tiến bộ đáng khích lệ trong việc phát triển ý thức sinh thái toàn cầu, chẳng hạn như Ngày Trái đất đầu tiên (1970) và Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường con người tổ chức vào năm 1972 tại Stockholm. Năm 1972, một cuốn sách được ủy quyền bởi Câu lạc bộ Rome được xuất bản<sup>24</sup> với tên gọi “Giới hạn của sự tăng trưởng”. Nó dự đoán sự sụp đổ của nền văn minh theo kịch bản “như bình thường không có chuyện gì xảy ra”. Quyển sách đã trở thành quyển bán chạy nhất một cách bất ngờ, một phần nhờ các cuộc công kích của những nhà bảo thủ. Sau đó, năm 1974 Liên Hiệp Quốc được ủy quyền tổ chức buổi hội thảo đầu tiên trong ba cuộc hội thảo lớn về dân số, tổ chức trong khoảng thập kỷ cho đến năm 1994.

Năm 1987, Liên Hợp Quốc tài trợ một báo cáo có tên là “Tương lai chung của chúng ta”<sup>25</sup>. Nó thường được gọi là Báo cáo Brundtland vì lấy tên của vị cựu Thủ tướng Na Uy, bài báo đã đưa ra thuật ngữ “phát triển bền vững”. Vào năm 1992, hội nghị môi trường lớn nhất của mọi thời đại đã được tổ chức tại Rio de Janeiro, thu hút 103 nguyên thủ quốc gia - đông nhất cho đến thời điểm đó - thường được gọi là “Hội nghị thượng đỉnh Trái đất”<sup>26</sup>.

Trong khi hội nghị ở Rio thể hiện “cao trào” của sự quan tâm về vấn đề môi trường, nó cũng báo hiệu một “thoái trào”. Năm 1992, bất chấp trạng thái phấn khích, Tổng thống Mỹ George Bush nói, “cách sống của

---

24. AtKisson A. The brightest star in the sky: a tribute to Donella H. Meadows. *Ecological Economics* (Ngôi sao sáng nhất trên bầu trời: lòng tôn trọng với Donella H. Meadows. *Kinh tế sinh thái*). 2001; 38 (2):171-6

25. World Commission on Environment and Development (Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển), biên tập viên. *Our Common Future* (Tương lai chung của chúng ta). Oxford: Oxford University Press, 1987

26. Strong M, Shabecoff P. The 1992 Earth Summit: An inside view (Hội nghị thượng đỉnh trái đất 1992: Một quan điểm bên trong. Có thể xem từ: <http://www.mauricestrong.net/index.php/earth-summit-strong> 29/12/13

người Mỹ không dành cho tất cả mọi người, hoặc không phải là chủ đề có thể đem ra thảo luận “<sup>26</sup>. Maurice Strong, một nhà triệu tập chính của Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất, nhận xét [nhấn mạnh]:

“Chúng ta đang ở trong tình huống khi mà các nước là quốc gia lớn nhất trên thế giới có nền kinh tế lớn nhất thế giới. *Mô hình sản xuất và tiêu thụ mang tới những tổn hại bậc nhất đối với môi trường thế giới là khả năng chịu đựng cho bất kỳ sự thừa nhận nào.* Thậm chí kháng cự lại bất cứ đề nghị rằng họ biết điều gì về việc này... Hoa Kỳ đã có một tác động lớn trong cảm nhận rằng họ đã thực hiện, họ lèo lái đối với các nước đang phát triển theo cách thức mà chúng ta khó tìm ra những người phạm tội chính.”

Cho đến hội nghị ở Rio, một số nước nghèo có thể bám vào hy vọng rằng các nước giàu sẽ biểu hiện vai trò lãnh đạo thực sự, mặc dù với kinh nghiệm lâu năm rằng những lời hứa không được thực hiện qua nhiều thập kỷ trước đó <sup>27</sup>. Quỹ đạo cho đến nay vẫn chưa hề bị đảo ngược. Sự thiếu lòng quảng đại, lòng từ bi và chia sẻ vẫn là lý do chính cho sự thiếu tiến bộ toàn cầu hướng tới việc đối phó với biến đổi khí hậu và khan hiếm tài nguyên.

#### Rio + 20: hội nghị thượng đỉnh nhỏ bé

Boulding chỉ trích việc các nhà kinh tế, nói riêng, đã không nhìn ra những hậu quả cuối cùng của quá trình chuyển đổi từ mở cửa cho đến đóng kín trái đất. Hội nghị tiền trạm của “Rio +20” vào năm 2012 đã bàn nhiều về “nền kinh tế xanh”, nhưng chủ yếu là “tẩy xanh” (Chú thích: Green wash: tẩy xanh (thuật ngữ nói về việc một tổ chức cung cấp những thông tin không chính xác nhằm đánh bóng thương hiệu của mình với hình ảnh trách nhiệm và thân thiện với môi trường. Một số nhà phê bình hàng đầu đã nhận xét rằng các giả định về bản chất thực tế trong các bài diễn văn chiếm ưu thế trong hội nghị mâu thuẫn với khoa học hiện đại và “khuôn khổ kinh tế hiện nay... sử dụng một

---

27. Butler CD. The North and South (Bắc và Nam). Trong: Hedblad A, biên tập viên. International Encyclopedia of the Social Sciences (Bách khoa toàn thư quốc tế về khoa học xã hội). 5. New York: MacMillan, tham khảo; 2007. p. 542-4



khuôn khổ khái niệm đặt ra từ thế kỷ 18 và cố gắng áp dụng nó vào nhân sinh” (Chú thích :Anthropocene (thuật ngữ: nhân *sinh*))<sup>28</sup>.

Một số độc giả có thể chưa quen với thuật ngữ này, trong đó đề cập đến con người chúng ta hiện tại (“nhân học” – Chú thích :*Anthro- Nhân học*) chiếm ưu thế thời đại. Khái niệm này không mới. Năm 1873, nhà địa chất học người Ý Antonio Stoppani viết về “kỷ nguyên nhân sinh”. Ông so sánh ảnh hưởng của con người với một “đơn vị hoá học mới có te-lua mà trong năng suất và tính phổ quát có thể được so sánh với nguồn lực lớn hơn của trái đất”<sup>29</sup>. Thuật ngữ này đã trở nên ngày càng phổ biến trong thập kỷ qua, các nhà khoa học khẳng định rằng loài người chúng ta đang làm thay đổi cán cân các đặc điểm cơ bản của hệ thống Trái đất, trước đây chỉ có nguồn lực tự nhiên là to lớn, chẳng hạn như những thay đổi lớn lao trong hình học của quỹ đạo Trái đất mà được xác định bằng độ dài của kỷ băng hà.

## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỶ VÀ VAI TRÒ CỦA QUAN CHỨC MALLOCH BROWN

Năm 2000, 149 các vị lãnh đạo nhà nước đã hội ý để kỷ niệm thiên niên kỷ mới (<http://www.unmillenniumproject.org/goals/>). Họ công bố tám Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) đầy tham vọng (Chú thích :*Millennium Development Goals: MDGs: mục tiêu phát triển thiên niên kỷ*) sẽ đạt được vào năm 2015. Boulding đã viết “người nguyên thủy, và đến quy mô lớn, con người của nền văn minh sớm tưởng tượng mình được sống trên một chiếc máy bay vô hạn”. Điều đáng tiếc là, ngoài các nhà kinh tế, những người hầu như điếc hoặc thờ ơ với thông điệp của ông, Boulding có thể bổ sung thêm một quan chức cấp rất cao trong hệ

28.Kosoy N, Brown PG, Bosselmann K, Duraiappah A, B Mackey, Martinez-Alier J, et al. Pillars for a flourishing Earth: planetary boundaries, economic growth delusion and green economy. *Current Opinion in Environmental Sustainability* (Trụ cột cho một Trái đất hưng thịnh: ranh giới hành tinh, ảo tưởng tăng trưởng kinh tế và nền kinh tế xanh. Ý tưởng hiện tại trong môi trường bền vững). 2012; 4 (1):74-9

29.Crutzen PJ. Geology of mankind (Địa chất của nhân loại).*nature*. 2002; 415 (6867): 23



thống Liên Hợp Quốc, người đứng đầu Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc, Mark Malloch Brown (nay là “Ngài “ Malloch -Brown)<sup>30</sup>.

Nếu luận cứ Boulding và nhiều người khác thực sự ảnh hưởng tới cuộc họp ở Rio thì Mục tiêu Thiên niên kỷ về môi trường, nhằm vào việc “đảm bảo môi trường bền vững” sẽ phải là nguyên tắc cơ bản. Tất nhiên, nó không trở thành như vậy. Nó được liệt kê ở mục thứ hai sau cùng, gần như bị bỏ qua và gần như bị lãng quên. Sau này, Malloch Brown đã rằng ông và một nhóm nhỏ đã viết lên các Mục tiêu Thiên Niên Kỷ trong tầng hầm của văn phòng Liên Hợp Quốc tại New York theo kiểu tương đối “bình dân “, đến nỗi họ hầu như quên bao gồm phần về môi trường (31).

Malloch - Brown nói: “Tài liệu này đã được đưa đi in khi tôi đã phê duyệt người lãnh đạo chương trình môi trường của Liên Hợp Quốc. Tôi đi bộ dọc theo hành lang, cảm thấy trong lòng nhẹ nhõm vì công việc đã làm xong. Khi tôi bắt gặp người đứng đầu chương trình môi trường của Liên Hợp Quốc đang cười rạng rỡ thì một lời xi và khùng khiếp bỗng lóe lên tâm trí của tôi khi tôi nhớ ra rằng chúng tôi đã quên không viết mục tiêu môi trường... chúng tôi vội chạy trở lại sửa lại bản in “ (31).

Năm 2003, tôi được mời đến một cuộc họp về sức khỏe và biến đổi khí hậu tại thành phố New York, do cố giáo sư Paul Epstein <sup>31</sup> và Swiss Re, một trong những công ty bảo hiểm lớn nhất thế giới <sup>32</sup> tổ chức. Paul đã kết nối tốt - Malloch Brown nói với chúng tôi khi chúng tôi gặp gỡ vào buổi tối đầu tiên, trong một khách sạn gần tòa nhà Liên Hiệp Quốc, nơi cuộc họp của chúng tôi được tổ chức vào ngày hôm sau. Tôi không thể nhớ nhiều về bài phát biểu của ông, nhưng tôi nhớ là tôi đã không hài lòng với “sự khiêm tốn quá mức của mục đích Thiên niên kỷ thứ bảy (xem ô bên dưới).

---

30. Tran M. Mark Malloch -Brown: developing the MDGs was a bit like nuclear fusion. (Phát triển các MDG giống như phản ứng tổng hợp hạt nhân). The Guardian. 2012

31. Clapp R. Paul Epstein (1943-2011): A life of commitment to health and social justice (Cam kết của cuộc sống đối với sức khỏe và công bằng xã hội). PLoS Biology. 2012; 10 (3): e1001284

32. Butler CD. Dedication (Cống hiến). Trong: Butler CD, biên tập viên. Climate Change and Global Health (Biến đổi khí hậu và sức khỏe toàn cầu). Wallingford, Anh: CABI; 2014 (trên báo chí)

Nếu trút hết trách nhiệm vào Malloch Brown thì chúng ta lại đang làm công việc là quá đơn giản hóa vấn đề. Xét cho cùng, ông là một phần của toàn bộ hệ thống thế giới, một hệ thống phủ nhận những khía cạnh đa dạng của giới hạn tăng trưởng, thay vào đó sẵn sàng công bố công khai giá thị trường chứng khoán hoặc tỉ số bóng đá mới nhất.

### “SỰ KHIÊM TỐN QUÁ MỨC” CỦA MDG 7

Có nhiều vấn đề về ngôn ngữ của các mục tiêu và các chỉ số của MDG 7. Mặc dù là quan trọng, mục tiêu 10 và 11 phản ánh sự nhầm lẫn khái niệm về sự phát triển bền vững; điều này thuộc về một phạm trù riêng biệt, có lẽ với MDG1, đề cập đến việc giảm nghèo. Điều này có thể đã được thêm vào đây, có lẽ một cách vô thức, để đánh lạc hướng sự chú ý từ mục tiêu 9, một điều quan trọng hơn nhiều.

Các chỉ số ở mục tiêu 9, đặc biệt là chỉ số 27 và 28, đặc biệt khó giải quyết. Sử dụng năng lượng không hẳn là xấu, trong thực tế, năng lượng dồi dào là điều cần thiết cho cuộc sống hiện đại. Con người luôn cần nhiệt, ánh sáng và phương tiện. Chúng ta cần có lượng năng lượng khổng lồ cho nông nghiệp, vận chuyển thực phẩm và các vật liệu khác, và liên lạc. Nếu chúng ta có thể tạo ra năng lượng này mà chỉ tác động tối thiểu đến môi trường, chẳng hạn như năng lượng mặt trời và gió, chúng ta có thể làm chậm sự biến đổi khí hậu và giúp bảo tồn nhiên liệu hóa thạch.

Thuật ngữ “sử dụng năng lượng (kg dầu quy đổi) trên mỗi \$ 1 GDP (PPP)” là một loại ngôn ngữ bí mật, được các chính phủ và tập đoàn chấp nhận, cho phép họ tiếp tục hành động bình thường như « không có chuyện gì xảy ra », trong khi gợi ý rằng có sự tiến bộ đáng kể đang được thực hiện, trong khi trên thực tế các vấn đề vẫn dần tích tụ lại. Miễn là tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng (như thường được xác định, điều này không có tham chiếu sự phê phán của Boulding và những người khác), sau đó các mục tiêu cũng cho phép tăng việc sử dụng năng lượng, mặc dù tăng với tốc độ chậm. Xu hướng này đã xảy ra từ lâu, cả công nghệ và xã hội ngày càng trở nên có hiệu quả về mặt sử dụng năng lượng trên mỗi đơn vị GDP và quá trình này đã

kéo dài hơn một thế kỷ - những động cơ hơi nước đầu tiên là cực kỳ không hiệu quả.

Chỉ số 27 có thể dùng để giải thích với mục tiếp theo, trong đó đề cập đến lượng carbon dioxide (CO<sub>2</sub>) tính bình quân trên đầu người. Chỉ số này cũng có một “lỗ hổng để trốn tội”. Nếu dân số tiếp tục tăng thì tổng lượng khí thải carbon cũng có thể tăng. Mục tiêu cho thấy sự vô nghĩa của “ngân sách các-bon”. Điều này đề cập đến ý tưởng rằng lượng khí thải CO<sub>2</sub> tích lũy phải được bịt kín dưới một khoản tiền nhất định (1 nghìn tỷ tấn thường được trích dẫn)<sup>33</sup> nếu hành tinh này cần đối chọi với sự biến đổi khí hậu nguy hiểm.

Nhiều hình thức ô nhiễm khác, chẳng hạn như những nguyên nhân có thể thấy được từ khói, hoặc ô nhiễm phân, không phải là ô nhiễm mang tính tích lũy. Một bờ sông có thể bị bẩn thỉu vĩnh viễn, vì người ta sử dụng nó như là nhà vệ sinh, nhưng chất thải cũng tiếp tục bị phá vỡ. Chỉ cần một năm (hoặc thậm chí một tháng) không sử dụng vào mục đích này, bờ sông sẽ sạch sẽ. Mưa có thể làm tan khói trong không khí trong nhiều giờ. Ngược lại, các khí nhà kính gây biến đổi khí hậu tích lũy trong nhiều năm, và trong trường hợp của khí quan trọng nhất, CO<sub>2</sub>, trong một thế kỷ hoặc lâu hơn (16).

Khi các MDG (mục tiêu phát triển thiên niên kỷ) được lập ra, khái niệm về một ngân sách carbon (đôi khi được gọi là “carbon không thể đốt cháy”) còn quá mới mẻ, ngay cả đối với các chuyên gia. Tuy nhiên, khái niệm biến đổi khí hậu “nguy hiểm” quen thuộc hơn nhiều, cũng như khái niệm về khí CO<sub>2</sub> tồn tại vĩnh viễn trong khí quyển. Lẽ ra UNDP có thể phát triển nhiều hơn những mục tiêu và các chỉ số hữu ích, nếu các nhà soạn thảo thực sự hiểu về sự phát triển bền vững. Ngày nay, lượng khí thải carbon tiếp tục tăng nhanh chóng, và thế giới tiếp tục lao tới đối chọi với hiểm họa vô cùng lớn, có thể nói là thảm họa biến đổi khí hậu. Phần đầu tiên của mục tiêu 28 đã thất bại hoàn toàn, nhưng, đối với những người mới chưa có kinh nghiệm, điều này hầu như không đáng chú ý bởi

---

33.Allen MR, Frame DJ, Huntingford C, Jones CD, Lowe JA, Meinshausen M, et al. Warming caused by cumulative carbon emissions towards the trillionth tonne (Sự nóng lên do khí thải carbon tích lũy hàng nghìn tỷ tấn). Nature.2009; 458:1163-6

bị chôn vùi trong số rất nhiều mục tiêu, tiêu chí và các chỉ số khác.

**MỤC ĐÍCH 7: ĐẢM BẢO BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG**

**MỤC TIÊU 9. KẾT HỢP CÁC NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀO CÁC CHÍNH SÁCH QUỐC GIA VÀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ ĐẢO NGƯỢC SỰ MẤT MẮT CỦA TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

**CÁC CHỈ SỐ**

- 25. TỶ LỆ DIỆN TÍCH ĐẤT ĐƯỢC BAO PHỦ BỞI RỪNG (FAO)
- 26. TỶ LỆ KHU VỰC BẢO HỘ ĐỂ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC Ở DIỆN TÍCH BỀ MẶT (UNEP - WCMC)
- 27. SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG (KG DẦU QUY ĐỔI) TRÊN MỖI \$ 1 GDP (PPP) (IEA, NGÂN HÀNG THẾ GIỚI)
- 28. LƯỢNG KHÍ THẢI CACBON ĐIÔXIT BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI (UNFCCC, UNSD) VÀ LƯỢNG TIÊU THỤ KHÍ CFC PHÁ HỦY TẦNG OZONE (ODP) (VĂN PHÒNG UNEP - OZONE)
- 29. TỶ LỆ DÂN SỐ SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU RẮN (WHO)

**MỤC TIÊU 10. CHO ĐẾN NĂM 2015, GIẢM MỘT NỬA TỶ LỆ NGƯỜI DÂN KHÔNG ĐƯỢC TIẾP CẬN VỚI NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH CƠ BẢN**

**CÁC CHỈ SỐ**

- 30. TỶ LỆ DÂN SỐ ĐƯỢC TIẾP CẬN VỚI NGUỒN NƯỚC ĐƯỢC CẢI THIỆN, ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN (UNICEF -WHO)
- 31. TỶ LỆ DÂN SỐ ĐƯỢC TIẾP CẬN VỚI CẢI THIỆN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN (UNICEF -WHO)

**MỤC TIÊU 11. CHO ĐẾN NĂM 2020, CẢI THIỆN ĐÁNG KỂ CUỘC SỐNG CỦA ÍT NHẤT 100 TRIỆU NGƯỜI SỐNG Ở CÁC KHU Ổ CHUỘT.**

**CÁC CHỈ SỐ**

- 32. TỶ LỆ HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC TIẾP CẬN ĐỂ ĐẢM BẢO CÓ NƠI CƯ TRÚ THÍCH HỢP (UN-HABITAT)

**CÁC SỰ KIỆN THÂM KHỐC**

“Người ta có thể hy vọng, do đó, rằng hàng loạt các cuộc khủng hoảng không ngừng gia tăng, đặc biệt là ô nhiễm, sẽ khơi dậy dư luận và huy động sự hỗ trợ cho các giải pháp của vấn đề trước mắt, một quá trình học tập sẽ dẫn tới những động thái để rồi cuối cùng đưa tới sự công nhận và giải pháp cho những vấn đề lớn hơn” (1).

Trong những năm đầu 1990, khi tôi lần đầu tiên bắt đầu nghiên cứu nghiêm túc các tài liệu về biến đổi khí hậu và các hình thức “hành tinh quá tải”<sup>34</sup> thỉnh thoảng tôi nghe tiếng vọng về niềm hy vọng của Boulding. Thế nhưng nhân loại dường như thích nghi với thiên tai. Từ năm 2000 đã có những cơn số bất thường về khí hậu. Năm 2003, mùa hè nóng nhất ở châu Âu trong vòng ít nhất 500 năm qua đã gây ra cái chết lên đến 70.000 người<sup>35</sup>. Ngưỡng biến đổi khí hậu “nguy hiểm” đã bị vượt qua<sup>36</sup>. Năm 2005 cơn bão Katrina tàn phá phần lớn New Orleans; mặc dù thực chất dân số vẫn thấp hơn. Ngoài biến đổi khí hậu, một yếu tố nghiêm trọng không kém là biến mất các vùng đầm lầy ven biển, mà những vùng này giúp bảo vệ các thành phố<sup>37</sup>. Trong năm 2010, một đợt nắng nóng đặc biệt nghiêm trọng xảy ra châu Âu, nhưng lần này ở Nga và Ukraine. Tiếp theo là các đám cháy nghiêm trọng và ô nhiễm không khí, tỷ lệ tử vong cao, tới khoảng 50.000 nạn nhân<sup>38</sup>. Hạn hán và nhiệt độ làm giảm đáng kể sản lượng thu hoạch lúa mì của Nga và Ucraina, dẫn đến sự tăng vọt giá lương thực toàn cầu<sup>39</sup>.

Vào cuối năm 2012, siêu bão Sandy diễn biến bất thường ở Đại Tây

---

34. McMichael AJ. Planetary Overload. Global Environmental Change and the Health of the Human Species (Quá tải hành tinh. Thay đổi môi trường toàn cầu và sức khỏe của loài người). Cambridge: Cambridge University Press, 1993

35. Robine JM, Cheung SLK, Le Roy S, Văn Oyen H, Griffiths C, Michel JP, et al. Death toll exceeded 70,000 in Europe during the summer of 2003 (Số người chết vượt quá 70.000 ở châu Âu trong mùa hè năm 2003). *Comptes Rendus Biologies*. 2008 2 //; 331 (2):171-8

36. Poumadère M, Mays C, Le Mer S, Blong R. The 2003 heat wave in France: dangerous climate change here and now. *Risk Analysis* (sóng nhiệt năm 2003 ở Pháp: biến đổi khí hậu nguy hiểm ở đây và bây giờ. Phân tích rủi ro. 2005; 25 (6):1483-94

37. Costanza R, Pérez - Maqueo O, Martinez ML, Sutton P, Anderson SJ, Mulder K. The value of coastal wetlands for hurricane protection. *Ambio: A Journal of the Human Environment* (Giá trị của vùng đầm lầy ven biển để bảo vệ tránh bão. *Ambio: Một Tạp chí Môi trường con người*) năm 2008; 37 (4):241-8

38. Barriopedro D, Fischer EM, Luterbacher J, Trigo RM, Garcia- Herrera R. The hot summer of 2010: Redrawing the temperature record map of Europe. *Science* (mùa hè nóng bức năm 2010: Vẽ lại bản đồ nhiệt độ của châu Âu. *Khoa học*). 2011; 459:220-4

39. Butler CD. Famine, hunger, society and climate change. In: Butler CD, editor. *Climate Change and Global Health* (Sự khan hiếm, nạn đói, xã hội và biến đổi khí hậu). Trong: Butler CD, biên tập viên. (Biến đổi khí hậu toàn cầu và sức khỏe). Wallingford, Anh: CABI; 2014 (trên báo chí)

Dương, bắt ngờ lại chuyển hướng đông tràn ngập New Jersey và thành phố New York. Mặc dù số người chết từ siêu bão Sandy không nhiều, nhưng thiệt hại của nó là hơn 50 tỷ USD, chỉ xếp sau cơn bão Katrina, là thảm họa tốn kém nhất thứ hai của mọi thời đại. Bão Sandy khiến mọi người lâm vào tình trạng không có điện nhiều tuần liền trong những căn hộ cao tầng tối om, buộc họ phải sử dụng cầu thang đi bộ, không có ánh sáng, một số người phải nhờ tới sự giúp đỡ của các tình nguyện viên và người thân để có thực phẩm.

Tháng 11 năm 2013, cơn bão Haiyan tàn phá một phần Philippines, và có thể là cơn bão dữ dội nhất từng được ghi nhận bởi tốc độ gió vượt qua đất liền. Nó đã giết chết hơn 6.000 người; số người chết gián tiếp do sự phát triển thụt lùi có lẽ còn cao hơn nhiều. Sự hủy diệt của nó to lớn rất nhiều bởi hai yếu tố: sự nghèo đói, với nguyên nhân là dân số cao, tham nhũng và bất bình đẳng<sup>40</sup>, và sự tôn kính quá mức năng lực của sự khéo léo để vượt qua tình trạng khan hiếm. Đây là một nguyên tắc mà tôi gọi là “trạng thái mê hoặc kho hàng lớn”<sup>41</sup>.

Những năm gần đây đã xảy ra rất nhiều trận động đất rất nghiêm trọng, với những hậu quả gồm sóng thần và thảm họa hạt nhân tại Fukushima Nhật Bản. Mỗi quan hệ giữa cường độ và tần số của các trận động đất ngoài khơi và những thay đổi môi trường nhờ yếu tố con người vẫn mang tính sự đầu cơ, nhưng mối liên hệ được thiết lập tốt hơn đối với các đập lớn và ít nhất là đối với những trận động đất nhỏ, tiềm chất lỏng để trích xuất khí đốt tự nhiên<sup>42</sup>.

Hậu quả của thảm họa đã có một chút tác động rõ ràng đối với hành vi tập thể của chúng ta. Tôi muốn nhấn mạnh ba trong nhiều lý do: (1) nhận thức về sự bất lực của bản thân mỗi cá nhân, (2) sự tách biệt về thời

---

40. Kahl CH. States, Scarcity and Civil Strife in the Developing World (Các tiểu bang, khan hiếm và sự xung đột trong thế giới đang phát triển). Princeton: Princeton University Press, 2006

41. Butler CD. Globalisation, population, ecology and conflict (Toàn cầu hóa, dân số, sinh thái và xung đột). Tạp chí Xúc tiến sức khỏe Úc. 2007; 18 (2):87-91

42. Zoback MD, Gorelick SM. Earthquake triggering and large-scale geologic storage of carbon dioxide. Proceedings of the National Academy of Sciences (Quá trình động đất và quy mô lớn trữ lượng địa chất của khí carbon dioxide. Kỷ yếu của Viện hàn lâm Khoa học). 2012 Tháng Sáu 18, 2012, 109 (26):10164 -8

gian và không gian giữa hành động và kết quả, và (3) sự bất bình đẳng. Những người sống sót của cơn bão Haiyan (được gọi là bão Yolanda ở Philippines) có thể làm được nhiều để tăng khả năng chống chịu tập thể của họ trước những cơn bão trong tương lai - ít nhất là trên lý thuyết<sup>43</sup> - nhưng họ có thể làm được rất ít trong việc làm chậm mực nước biển dâng, hoặc làm giảm tần suất nghiêm trọng của cơn bão. Điều đó đòi hỏi nỗ lực phối hợp của người dân có thu nhập cao. Tuy nhiên, đã hơn hai thập kỷ trải qua kể từ tuyên bố của Tổng thống Bush, vẫn chưa có bằng chứng gì về điều này, mặc dù tia hy vọng đã lóe lên thật ngắn ngủi tại hội nghị về khí hậu tại Copenhagen năm 2009.

Ngược lại, nhiều người dân ở các nước giàu có, bao gồm cả nước tôi, vẫn từ chối. Úc ngày càng tăng cường quan tâm tới các khoản thu nhập từ xuất khẩu than đá, ngày nay được biết đến như một dạng “chất độc đối với Trái đất”<sup>44</sup>. Cựu Thủ tướng Australia, John Howard, gần đây đã tuyên bố rằng nếu phương Tây phải hành động vì sự biến đổi khí hậu thì có nghĩa là phương Tây sẽ phải phủ nhận quá trình phát triển kinh tế đối với phần còn lại của thế giới<sup>45</sup>. Xem ra, điều ngược lại đúng với sự thật hơn.

## PHẢN ỨNG CỦA PHẬT GIÁO VỚI CÁC CUỘC KHỦNG HOẢNG TÍCH LŨY

Một trong năm giới luật Phật giáo chính kêu gọi tránh sát sinh, tối thiểu là

43. Bryant L, L Carver, Butler CD, Anage A. Climate change and family planning: least developed countries define the agenda. Bulletin of the World Health Organisation (Biến đổi khí hậu và kế hoạch hóa gia đình: các nước kém phát triển nhất xác định chương trình nghị sự. Bản tin của Tổ chức Y tế Thế giới). 2009; 87:852-7

44. Butler CD. Earth Poison diaries (nhật ký chất độc của trái đất). (<http://globalchangemusings.blogspot.com.au/2013/02/earth-poisoning-diary-week-1.html>) năm 2013

45. Miller N. The claims are exaggerated: John Howard rejects predictions of global warming catastrophe. (“Những tuyên bố được phóng đại”: John Howard từ chối dự đoán về thảm họa nóng lên toàn cầu). Sydney Morning Herald. 2013; <http://www.smh.com.au/federal-politics/political-news/the-claims-are-exaggerated-john-howard-rejects-predictions-of-global-warming-catastrophe-20131106-2wzza.html#ixzz2kDOPRaZA>



sát sinh động vật. Phật tử đã không bỏ qua những rủi ro môi trường, bao gồm các cuộc họp trước UNDV<sup>46</sup>, chẳng hạn như tại Hà Nội trong năm 2008, khi Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh là diễn giả chính. Tuy nhiên, so với quy mô to lớn của những rủi ro này, Phật tử có thể làm được gì hơn?

Ở Tây Tạng, tại thời điểm Trung Quốc tái chiếm đóng, nhiều loài động vật hoang dã được bảo vệ tương đối tốt. Một số vẫn còn sống<sup>47</sup>. Ở Thái Lan, vào năm 1988, nhà sư Phrakhrū Manas Natheepitak bắt đầu ban hành quy định tẩn phong cho cây để bảo vệ chúng<sup>48</sup>. Thế nhưng, mặc dù từ lâu đã có truyền thống những vườn thiêng và các loài cây thiêng liêng ở Thái Lan (đặc biệt là cây Bồ Đề), phong tục và niềm tin vẫn không đủ để ngăn chặn khai thác gỗ quy mô lớn tại các khu rừng ở Thái Lan. Tuy nhiên, vào năm 1997, việc thực hành tẩn phong cho cây đã được chứng kiến bởi nhà vua Thái Lan, người đã yêu cầu thụ phong cho 50 triệu cây để kỷ niệm Ngày lễ vàng của mình. Đây là một số lượng rất lớn, nhưng có vẻ như không phải thật nhiều cây đã được thụ phong. Nhưng gần đây có bằng chứng, mặc dù các cán bộ kiểm lâm Thái Lan còn tranh cãi, rằng mật độ che phủ rừng ở Thái Lan đã tăng lên kể từ cuối những năm 1990<sup>49</sup>. Việc thụ phong cho cây đã lan rộng đến Campuchia, Lào và có thể là Miến Điện (49). Mặt khác, tiến sĩ Reese Halter, “Bác sĩ của Trái đất”, đã viết rất ấn tượng về việc giết hại có hệ thống “chiến lợi phẩm của loài người” mô tả việc cắt sừng tê giác trong khi chúng vẫn còn sống, ở Nam Phi, sản phẩm này hoàn toàn vô dụng, nhưng lại có nhu

46. Tù TN, biên tập viên. Care for Environment; Buddhist Response to Climate Change (Quan tâm đến môi trường; phản ứng của Phật giáo đối với biến đổi khí hậu). Đại học Phật giáo Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin; 2008

47. Butler CD. Tibetan protest self-immolation in China: reflections on ecology, health and politics (Tây Tạng biểu tình tự thiêu ở Trung Quốc: phản ánh về sinh thái, sức khỏe và chính trị. Trong: Gislason M, biên tập viên. Ecological Health: Society, Ecology and Health. Advances in Medical Sociology (Sức khỏe sinh thái: Xã hội, sinh thái và sức khỏe. Những tiến bộ trong y tế Xã hội học). Bingley: Emerald Press; 2013. p. 67-89

48. Morrow A. Tree ordination as invented tradition (Sự tôn phong cây như truyền thống phát minh). Asia Network Exchange, năm 2011; 19 (1): <http://asianetworkexchange.org/index.php/ane/article/view/11>

49. Leblond J -P, Phạm TH. Recent forest expansion in Thailand: a methodological artifact? (Mở rộng rừng gần đây ở Thái Lan: một kết quả theo phương pháp luận?) Journal of Land Use Science. 2013:1-31

cầu cao về bột sừng, cho người tiêu dùng cả tin, đặc biệt là ở Việt Nam, Trung Quốc và Thái Lan <sup>50</sup>.

Việc giết hại rất nhiều loài động vật khác và làm mất môi trường sống của chúng không chỉ đơn giản là sự thay đổi cảnh quan hoặc xu hướng dẫn tới biến đổi khí hậu, đó cũng là một nguyên nhân gây ra những cảm xúc bất hạnh và khổ đau của động vật. Gần đây, nhất là hai thập kỷ trước đây người ta đã có một quan điểm chung, ít nhất là trong khoa học phương Tây, rằng động vật thiếu cảm xúc, mặc dù Darwin đã từng thừa nhận điều này<sup>51</sup>. Nhưng suy nghĩ này đã thay đổi - bây giờ người ta đã chấp nhận một cách rộng rãi rằng nhiều loài vật cũng có cảm xúc, bao gồm cả sự đồng cảm <sup>52</sup>. Có lẽ Đức Phật cũng nhận ra điều đó nên tránh sự sát sinh để giảm thiểu không chỉ là cái chết của những loài khác, mà còn là những đau khổ của chúng.

Trong những năm gần đây, một luận chứng được đề xuất bởi Stephen Pinker và có những ảnh hưởng đáng kể: bạo lực đã giảm và xu hướng này sẽ tiếp tục <sup>53</sup>. Nhưng không thể chối cãi rằng bạo lực của con người đối với thiên nhiên đã tăng lên, và có lẽ các thế hệ tương lai cũng như vậy. Đồng thời, các trường hợp bạo lực có quy mô lớn gần đây, cho dù tại Cộng hòa Trung Phi, Congo, Darfur (Sudan), Somalia, Nam Sudan hoặc Syria cho thấy bạo lực còn lâu mới chấm dứt. Gần hơn với thế giới Phật giáo, bạo lực gần đây ở Bodoland (phía tây bang Assam, Ấn Độ), Arakan (Myanmar) và Sri Lanka cho thấy người châu Á, trong đó có một số tu sĩ,

---

50.Halter R. Why the war against nature is getting worse (Tại sao chiến tranh chống lại tự nhiên trở nên tệ hơn). Razor Ockham.2013;<http://www.abc.net.au/radionational/programs/ockhamsrazor/why-the-war-against-nature-is-getting-worse/5178596>

51.Darwin C. The Expression of the Emotions in Man and Animals (Các biểu hiện của cảm xúc trong con người và động vật). London: John Murray, năm 1872

52.de Waal F. The Age of Empathy (Kỷ nguyên của sự đồng cảm). New York: Harmony Books; 2009. 291 p.

53.Pinker S. The Better Angels of Nature (thiên thần tốt hơn của tự nhiên). New York: Viking, 2011

có khả năng bạo lực cá nhân và bạo lực nhóm<sup>5455</sup>(55, 56). Khi tài nguyên toàn cầu tăng trưởng ngày càng khan hiếm, các cuộc xung đột đường như có khả năng gia tăng số lượng trong khu vực.

Cho đến nay, các nhà lãnh đạo Phật giáo vẫn chưa có những cố gắng rõ rệt trong việc ngăn chặn thể hệ của chúng ta trước các thảm họa. Có lẽ ngoại lệ đáng chú ý nhất là thiền sư Thích Nhất Hạnh, người luôn đề cập về sự nguy hiểm của biến đổi khí hậu<sup>56</sup>. Đức Đạt Lai Lạt Ma và Ngài Karmapa cũng đã nói về vấn đề môi trường, đặc biệt là về nguy cơ do biến đổi khí hậu. Ngày càng có nhiều Phật tử Tây phương cũng đề cập đến điều này. Hội nghị UNDV là một cơ hội cho cộng đồng Phật giáo thế giới hiểu rõ hơn về mức độ nghiêm trọng của các mối đe dọa môi trường tác động lẫn nhau và tham gia với thế giới theo những cách giúp giảm đi những mối đe dọa này, chẳng hạn như bằng cách thực tập theo con đường trung đạo, tiết chế việc tiêu thụ, giảm thiểu việc tiêu thụ thịt. Có lẽ, Phật tử cũng xem xét việc sinh không quá hai con, và thậm chí ít hơn nếu sống ở quốc gia thịnh vượng. Phật tử, nếu có thể, cũng có thể xem xét đóng góp vào nguyên tắc và các nhóm tìm cách xóa đói giảm nghèo và các yếu tố quyết định không bền vững khác. Trong các hoàn cảnh không quá nguy hiểm, Phật tử cũng nên có những phát biểu và hành động chống tham nhũng.

Boulding viết “Người ta có thể phàn nàn rằng những suy xét tôi đưa ra chỉ liên quan đến thời gian rất xa trong tương lai, và họ không quan tâm nhiều đến vấn đề trước mắt của chúng ta”. Tuy nhiên, những lời đó được viết ra vào năm 1966, hiện giờ đã là năm 2014. Tương lai mà Boulding cảnh báo bây giờ lại càng gần hơn nhiều.

---

54.Selvadurai SD, Smith MLR. Black tigers, bronze lotus: the evolution and dynamics of Sri Lanka’s strategies of dirty war. *Studies in Conflict & Terrorism* (Con hổ đen, hoa sen bằng đồng: các chiến lược về sự phát triển và năng động của Sri Lanka về cuộc chiến tranh bẩn thỉu. Nghiên cứu xung đột & khủng bố). 2013; 36 (7):547-72

55.Butler CD. Environmental change, injustice and sustainability (Thay đổi môi trường, bất công và tính bền vững). *Journal of Bioethical Inquiry*. 2008; 5 (1):11- 9

56.Confino J. Zen and the art of protecting the planet (Thiền và nghệ thuật bảo vệ hành tinh). *The Guardian*.2010; <http://www.guardian.co.uk/sustainability/environment-zen-buddhism-sustainability>

Tổng thống Mỹ nổi tiếng Abraham Lincoln nói rằng “Quan điểm công chúng là tất cả”<sup>57</sup>. Những người bình thường không thể mong đợi lãnh đạo chính trị vượt qua các cuộc khủng hoảng môi trường, nhưng nếu đủ số người hành động với lòng can đảm, các chính sách có thể được thay đổi. Đối với ngân sách các-bon, chúng ta vẫn còn một nửa chặng đường phải đi. Có thể là chúng ta sẽ tránh khỏi hậu quả thảm khốc, nhưng chúng ta không nên chọn rủi ro này. Nếu các nhà lãnh đạo Phật giáo và các tín đồ coi các lời cảnh báo là thực sự nghiêm túc, họ có thể tác động ảnh hưởng lẫn nhau, và với những người khác, để giảm thiểu mối hiểm nguy.

---

57.Zarefsky D. Public sentiment is everything”: Lincoln’s view of political persuasion.”Quan điểm công chúng là tất cả mọi thứ”: Quan điểm của Lincoln về thuyết phục chính trị. Journal of the Abraham Lincoln Association. 1994;15(2):<http://quod.lib.umich.edu/j/jala/2629860.0015.204/--public-sentiment-is-everything-lincolns-view-of-political?rgn=main;view=fulltext>